

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC H
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 9 - 2024

“Về việc xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC H, TỈNH CÀ MAU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Văn Tươi

Ông Hà Bảo Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Lợi - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ngọc H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024. Về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Danh Hon Đ, sinh năm 1990 (Có mặt)

Cư trú: ấp So Đũa, xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Trần Ý N, sinh năm 2002 (Vắng mặt)

Cư trú: ấp So Đũa, xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2024 và các lời khai của nguyên đơn anh Danh Hon Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Tôi và chị Trần Ý N tự nguyện chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau vào năm ngày 12/01/2021, hôn nhân giữa tôi và chị N là tự nguyện.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó Nều năm nay thì vợ chồng phát sinh Nều mâu thuẫn, Nều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không đem lại

kết quả. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi làm đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Ý N.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Danh Nguyễn Ngọc Tâm, sinh ngày 01/5/2021. Hiện nay cháu Tâm Đng sống với chị Trần Ý N, sau khi ly hôn tôi đồng ý giao con cho chị N nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ thu và nợ trả: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Trần Ý N, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho chị N biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2024 nhưng chị N không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ chị N để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng chị N không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh Đ. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ lần thứ hai nhưng chị N vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị N theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn chị Trần Ý N có nơi cư trú trên địa bàn huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc H theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của anh Danh Hon Đ khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Ý N nên xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị N kết hôn ngày 12/01/2021 có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Viên An, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đối với chị N, Tòa án đã triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng chị N vắng mặt không lý do, đồng thời chị N cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ chị N đồng ý với yêu cầu của anh

Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Đ và chị N đã ly thân từ năm 2022 đến nay thời gian không dài nhưng chị N không tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ, chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Đ được ly hôn với chị N là phù hợp.

[3] Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Danh Nguyễn Ngọc Tâm, sinh ngày 01/5/2021. Hiện nay cháu Tâm Đng sống với chị Trần Ý N, sau khi ly hôn anh Đ đồng ý giao con cho chị N nuôi, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Theo lời trình bày và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo cuộc sống cho cháu Tâm thì chị N có đủ điều kiện. Xét thấy, cháu Tâm đã sống chung với chị N từ nhỏ, ổn định cuộc sống, tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử tiếp tục giao con cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với anh Đ là cha của cháu Tâm vẫn có quyền được thăm nom con mà không ai được phép ngăn cản.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Đ và chị N không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có tài sản chung, chị N không ý kiến gì nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản thì anh Đ và chị N có quyền khởi kiện thành vụ kiện chia tài sản sau ly hôn.

[5] Về nợ chung: Anh Đ trình bày vợ chồng không có nợ chung, chị N không ý kiến gì nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 243, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho anh Danh Hon Đ được ly hôn với chị Trần Ý N.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Ý N được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Danh Nguyễn Ngọc Tâm, sinh ngày 01/5/2021. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Danh Hon Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Danh Hon Đ phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh Đ có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0015094 ngày 24/7/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc H được chuyển thu.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc niêm yết công khai bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc H;
- THADS huyện Ngọc H;
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Minh Tính

